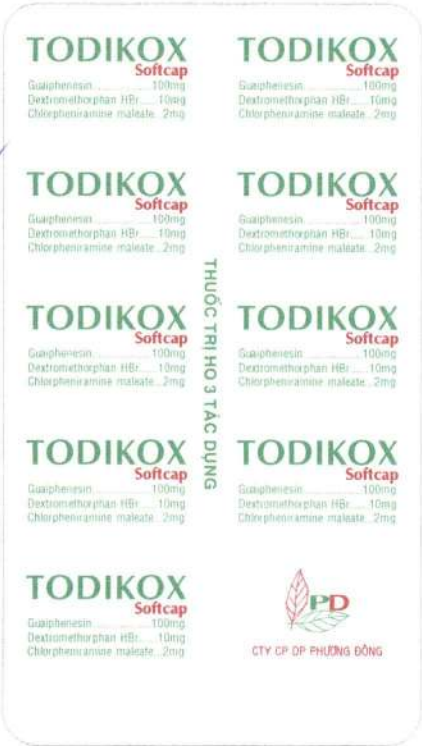


187/DTSS

MẪU NHÃN VỈ XIN ĐĂNG KÝ



Ghi chú: Số lô SX và HD sẽ dập nổi trên vỉ thuốc.

CTY CP DƯỢC PHẨM
PHƯƠNG ĐÔNG
P. TỔNG GIÁM ĐỐC



PGS. TS. TRƯƠNG VĂN TUẤN

MẪU NHÃN CHAI XIN ĐĂNG KÝ

EACH SOFT CAPSULE CONTAINS:

Guaiphenesin.....100mg

Dextromethorphan HBr.....10mg

Chlorpheniramine maleate.....2mg

Excipient q.s.....per 1 capsule

Indication, dosage, instruction and contra - indication:

See in the leaflet

Specification: In - house

Store in a dry place, below 30°C, protect from light.

Read leaflet carefully before use

Keep out of reach of children



ORIENT PHARMACEUTICAL CORP.

Rx Thuốc Bán Theo Đơn

Chai 60 Viên Nang Mềm

TODIKOX

Softcap



Thuốc trị ho 3 tác dụng

Guaiphenesin

Dextromethorphan HBr

Chlorpheniramine maleate

GMP - WHO



MỖI VIÊN CHỨA:

Guaiphenesin.....100mg

Dextromethorphan HBr.....10mg

Chlorpheniramine maleate.....2mg

Tá dược vừa đủ.....1 viên

Chỉ định, liều dùng, cách dùng và chống chỉ định:

Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng.

Tiêu chuẩn: TCCS

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Để xa tầm tay trẻ em

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM PHƯƠNG ĐÔNG

Lô 7, Đường 2 - KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân - TP.Hồ Chí Minh - Việt Nam

Số 15/2015/ĐL-BYT

Ngày cấp: 05/05/2015

Họ và tên: NGUYỄN VĂN ĐÌNH

EACH SOFT CAPSULE CONTAINS:

Guaiphenesin.....100mg

Dextromethorphan HBr.....10mg

Chlorpheniramine maleate.....2mg

Excipient q.s.....per 1 capsule

Indication, dosage, instruction and contra - indication:

See in the leaflet

Specification: In - house

Store in a dry place, below 30°C, protect from light.

Read leaflet carefully before use

Keep out of reach of children



ORIENT PHARMACEUTICAL CORP.

Rx Thuốc Bán Theo Đơn

Chai 100 Viên Nang Mềm

TODIKOX

Softcap



Thuốc trị ho 3 tác dụng

Guaiphenesin

Dextromethorphan HBr

Chlorpheniramine maleate

GMP - WHO



MỖI VIÊN CHỨA:

Guaiphenesin.....100mg

Dextromethorphan HBr.....10mg

Chlorpheniramine maleate.....2mg

Tá dược vừa đủ.....1 viên

Chỉ định, liều dùng, cách dùng và chống chỉ định:

Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng.

Tiêu chuẩn: TCCS

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Để xa tầm tay trẻ em

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM PHƯƠNG ĐÔNG

Lô 7, Đường 2 - KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân - TP.Hồ Chí Minh - Việt Nam

Số 15/2015/ĐL-BYT

Ngày cấp: 05/05/2015

Họ và tên: NGUYỄN VĂN ĐÌNH

EACH SOFT CAPSULE CONTAINS:

Guaiphenesin.....100mg

Dextromethorphan HBr.....10mg

Chlorpheniramine maleate.....2mg

Excipient q.s.....per 1 capsule

Indication, dosage, instruction and contra - indication:

See in the leaflet

Specification: In - house

Store in a dry place, below 30°C, protect from light.

Read leaflet carefully before use

Keep out of reach of children



ORIENT PHARMACEUTICAL CORP.

Rx Thuốc Bán Theo Đơn

Chai 200 Viên Nang Mềm

TODIKOX

Softcap



Thuốc trị ho 3 tác dụng

Guaiphenesin

Dextromethorphan HBr

Chlorpheniramine maleate

GMP - WHO



MỖI VIÊN CHỨA:

Guaiphenesin.....100mg

Dextromethorphan HBr.....10mg

Chlorpheniramine maleate.....2mg

Tá dược vừa đủ.....1 viên

Chỉ định, liều dùng, cách dùng và chống chỉ định:

Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng.

Tiêu chuẩn: TCCS

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Để xa tầm tay trẻ em

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM PHƯƠNG ĐÔNG

Lô 7, Đường 2 - KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân - TP.Hồ Chí Minh - Việt Nam

Số 15/2015/ĐL-BYT

Ngày cấp: 05/05/2015

Họ và tên: NGUYỄN VĂN ĐÌNH

EACH SOFT CAPSULE CONTAINS:

Guaiphenesin.....100mg

Dextromethorphan HBr.....10mg

Chlorpheniramine maleate.....2mg

Excipient q.s.....per 1 capsule

Indication, dosage, instruction and contra - indication:

See in the leaflet

Specification: In - house

Store in a dry place, below 30°C, protect from light.

Read leaflet carefully before use

Keep out of reach of children



ORIENT PHARMACEUTICAL CORP.

Rx Thuốc Bán Theo Đơn

Chai 500 Viên Nang Mềm

TODIKOX

Softcap



Thuốc trị ho 3 tác dụng

Guaiphenesin

Dextromethorphan HBr

Chlorpheniramine maleate

GMP - WHO



MỖI VIÊN CHỨA:

Guaiphenesin.....100mg

Dextromethorphan HBr.....10mg

Chlorpheniramine maleate.....2mg

Tá dược vừa đủ.....1 viên

Chỉ định, liều dùng, cách dùng và chống chỉ định:

Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng.

Tiêu chuẩn: TCCS

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Để xa tầm tay trẻ em

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM PHƯƠNG ĐÔNG

Lô 7, Đường 2 - KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân - TP.Hồ Chí Minh - Việt Nam

Số 15/2015/ĐL-BYT

Ngày cấp: 05/05/2015

Họ và tên: NGUYỄN VĂN ĐÌNH

CTY CP DƯỢC PHẨM
PHƯƠNG ĐÔNG
P. TỔNG GIÁM ĐỐC



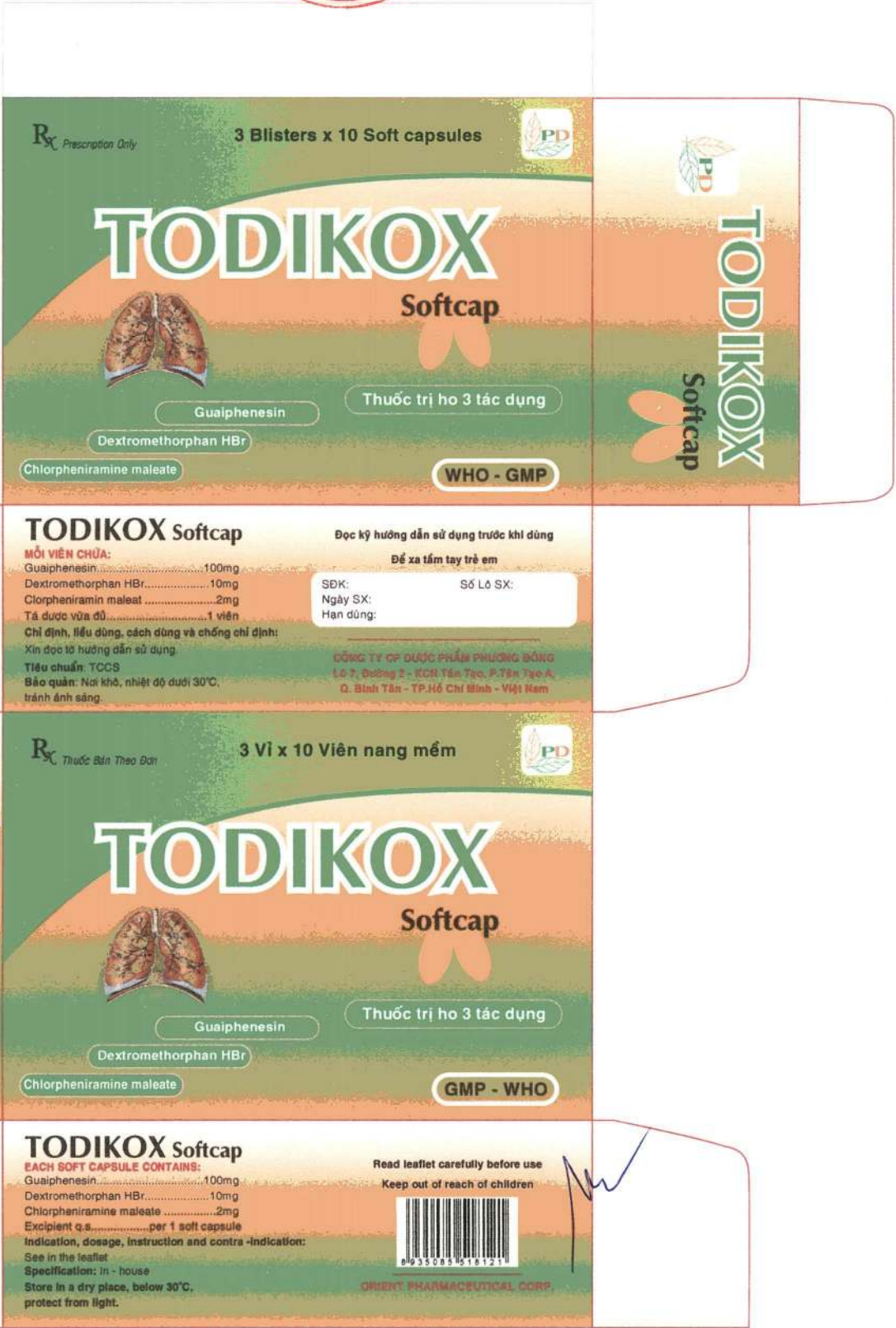
PGS. TS. TRƯƠNG VĂN TUẤN

MẪU HỘP XIN ĐĂNG KÝ

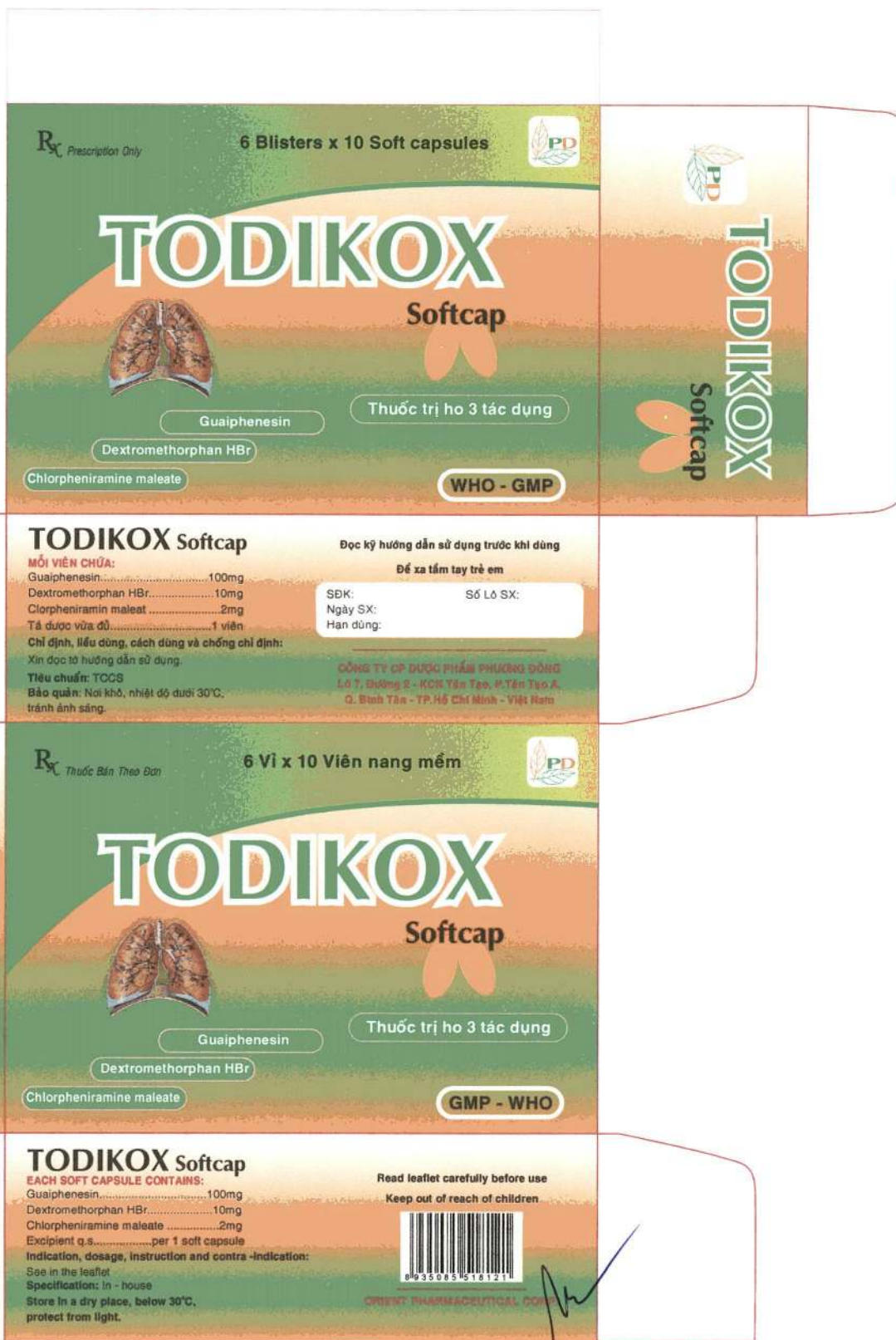
CTY CP DƯỢC PHẨM
PHƯƠNG ĐÔNG
P. TỔNG GIÁM ĐỐC



PGS. TS. TRƯƠNG VĂN TUẤN



PGS. TS. TRƯỞNG VĂN TUẤN



MẪU HỘP XIN ĐĂNG KÝ

TODIKOX
Softcap

EACH SOFT CAPSULE CONTAINS:

Guaiphenesin.....100mg
Dextromethorphan HBr.....10mg
Chlorpheniramine maleat2mg
Excipient q.s.....per 1 soft capsule

Indication, dosage, instruction and contra-indication:

See in the leaflet

Specification: In - house

Store in a dry place, below 30°C,
protect from light.

Read leaflet carefully before use

Keep out of reach of children



ORIENT PHARMACEUTICAL CORP.

R_x Thuốc Bán Theo Đơn

10 Vỉ x 10 Viên nang mềm



TODIKOX
Softcap



Guaiphenesin

Dextromethorphan HBr

Chlorpheniramine maleat

Thuốc trị ho 3 tác dụng

GMP - WHO

TODIKOX
Softcap

MỖI VIÊN CHỨA:

Guaiphenesin.....100mg
Dextromethorphan HBr.....10mg
Chlorpheniramine maleat2mg
Tá dược vừa đủ.....1 viên

Chỉ định, liều dùng, cách dùng và chống chỉ định:

Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng.

Tiêu chuẩn: TCCS

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Để xa tầm tay trẻ em

SDK:

Số Lô SX:

Ngày SX:

Hạn Dùng:

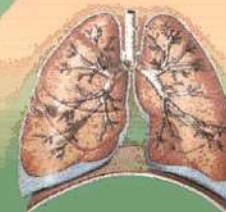
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM PHƯƠNG ĐÔNG
Lô 7, Đường 2 - KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A,
Q. Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam

R_x Prescription Only

10 Blisters x 10 Soft capsules



TODIKOX
Softcap



Guaiphenesin

Dextromethorphan HBr

Chlorpheniramine maleat

Thuốc trị ho 3 tác dụng

WHO - GMP

CTY CP DƯỢC PHẨM
PHƯƠNG ĐÔNG
P. TỔNG GIÁM ĐỐC



PGS. TS. TRƯƠNG VĂN TUẤN

Softcap
TODIKOX



TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

TODIKOX SOFTCAP

Viên nang mềm

Công thức : Mỗi viên nang mềm chứa

Guaifenesin100 mg
Dextromethorphan HBr.....10 mg
Chlorpheniramin maleat2 mg

Tá dược : Dầu đậu nành, Dầu cò, Sáp ong trắng, Lecithin, Gelatin, Glycerin, Sorbitol, Vanillin, Methyl paraben, Propyl paraben, Titan dioxyd, Màu Erythrosine, Màu Sunset yellow.

Trình bày :

Vĩ 10 viên, hộp 3 vĩ, hộp 6 vĩ và hộp 10 vĩ.
Chai 60 viên, Chai 100 viên, Chai 200 viên, và Chai 500 viên.

Dược lực học :

Guaifenesin : Có tác dụng long đờm nhờ kích ứng niêm mạc da dày, sau đó kích thích tăng tiết dịch ở đường hô hấp, làm tăng thể tích và giảm độ nhớt của dịch tiết ở khí quản và phế quản. Nhờ vậy, thuốc làm tăng hiệu quả của phản xạ ho và giảm dễ tổng đờm ra ngoài hơn. Cơ chế này khác với cơ chế của các thuốc chống ho, nó không làm mất ho. Thuốc được chỉ định để điều trị triệu chứng ho có đờm quánh đặc khó khạc do cảm lạnh, viêm nhẹ đường hô hấp trên. Thuốc được kết hợp với các thuốc giãn phế quản, thuốc chống sung huyết mũi, kháng histamin hoặc thuốc chống ho opiat.

Dextromethorphan HBr :

Dextromethorphan hydrobromid là thuốc giảm ho có tác dụng lên trung tâm ho ở hành não. Mặc dù cấu trúc hóa học có liên quan đến morphin, nhưng dextromethorphan không có tác dụng giảm đau và nói chung rất ít tác dụng an thần.

Dextromethorphan được dùng giảm ho nhất thời do kích thích nhẹ ở phế quản và họng như cảm lạnh thông thường hoặc hít phải các chất kích thích. Dextromethorphan có hiệu quả nhất trong điều trị ho mạn tính, không có đờm. Thuốc thường được dùng phối hợp với nhiều chất khác trong điều trị triệu chứng đường hô hấp trên. Thuốc không có tác dụng long đờm.

Hiệu lực của dextromethorphan gần tương đương với hiệu lực của codein. So với codein, dextromethorphan ít gây tác dụng phụ ở đường tiêu hóa hơn. Với liều điều trị, tác dụng chống ho của thuốc kéo dài được 5 - 6 giờ. Độc tính thấp, nhưng với liều rất cao có thể gây ức chế hệ thần kinh trung ương.

Chlorpheniramin :

Chlorpheniramin là một kháng histamin có rất ít tác dụng an thần. Như hầu hết các kháng histamin khác, chlorpheniramin cũng có tác dụng phụ chống tiết acetylcholin, nhưng tác dụng này khác nhau nhiều giữa các cá thể.

Tác dụng kháng histamin của chlorpheniramin thông qua phong bế cạnh tranh các thụ thể H_1 của các tế bào tác động.

Dược động học :

Guaifenesin :

Sau khi uống, thuốc hấp thu tốt từ đường tiêu hóa. Trong máu, 60% lượng thuốc bị thủy phân trong vòng 7 giờ. Chất chuyển hóa không còn hoạt tính được thải trừ qua thận. Sau khi uống 400 mg Guaifenesin không phát hiện thấy thuốc ở dạng nguyên vẹn trong nước tiểu. Thời gian bán hủy của Guaifenesin khoảng 1 giờ.

Dextromethorphan :

Dextromethorphan được hấp thu nhanh qua đường tiêu hóa và có tác dụng trong vòng 15 - 30 phút sau khi uống, kéo dài khoảng 6 - 8 giờ. Thuốc được chuyển hóa ở gan và bài tiết qua nước tiểu dưới dạng không đổi và các chất chuyển hóa demethyl, trong số đó có dextrophan cũng có tác dụng giảm ho nhẹ.

Chlorpheniramin maleat :

Chlorpheniramin maleat hấp thu tốt khi uống và xuất hiện trong huyết tương trong vòng 30 - 60 phút. Nồng độ đỉnh huyết tương đạt được trong khoảng 2,5 - 6 giờ sau khi uống. Khả dụng sinh học thấp, đạt 25 - 50%. Khoảng 70% thuốc trong tuần hoàn liên kết với protein. Thể tích phân bố khoảng 3,5 lít/kg (người lớn) và 7 - 10 lít/kg (trẻ em).

Chlorpheniramin maleat chuyển hóa nhanh và nhiều. Các chất chuyển hóa gồm có desmethyl - didesmethyl - chlorpheniramin và một số chất chưa được xác định, một hoặc nhiều chất trong số đó có hoạt tính. Nồng độ Chlorpheniramin trong huyết thanh không tương quan đúng với tác dụng kháng histamin vì còn một chất chuyển hóa chưa xác định cũng có tác dụng.

Thuốc được bài tiết chủ yếu qua nước tiểu dưới dạng không đổi hoặc chuyển hóa, sự bài tiết phụ thuộc vào pH và lưu lượng nước tiểu. Chỉ một lượng nhỏ được thấy trong phân. Thời gian bán thải là 12 - 15 giờ và ở người bệnh suy thận mạn, kéo dài tới 280 - 330 giờ.

Chỉ định :

Làm giảm các triệu chứng ho do cảm lạnh, cúm, lao, viêm phế quản, ho gà, sởi, viêm phổi, viêm phổi - phế quản, viêm họng, viêm thanh quản, viêm khí quản, viêm khí phế quản, màng phổi bị kích ứng, hít phải chất kích ứng, khói thuốc lá và ho có nguồn gốc tâm sinh.

Chống chỉ định :

Bệnh nhân nhạy cảm với các thành phần của thuốc hoặc đang dùng các chất ức chế monoamine oxidase.

Bệnh nhân đang bị cơn hen cấp, glaucom góc hẹp, loét da dày chít, tắc môn vị-tá tràng, và ứ nước tiểu do rối loạn niệu đạo-tuyến tiền liệt.

Liều lượng và cách dùng :

Trẻ em 7 - 12 tuổi 1 viên/lần; người lớn 2 viên/lần. Uống cách nhau 6 - 8 tiếng hoặc theo chỉ dẫn của bác sĩ. Không dùng thuốc quá 7 ngày.

Tác dụng phụ :

Dextromethorphan HBr :

Thường gặp, ADR > 1/100

Toàn thân: Mệt mỏi, chóng mặt

Tuần hoàn: Nhịp tim nhanh

Tiêu hóa: Buồn nôn

Da: Đỏ bừng

Ít gặp, ADR < 1/1000 < ADR < 1/100

Da: Nổi mề đay

Hiếm gặp, ADR < 1/1000

Da: Ngoai ban

Thỉnh thoảng thấy buồn ngủ nhẹ, rối loạn tiêu hóa. Hành vi kỳ quặc do ngộ độc, ức chế hệ thần kinh trung ương và suy hô hấp có thể xảy ra khi dùng liều quá cao.

Guaifenesin :

Các phản ứng hiếm hoặc ít gặp : Chóng mặt, đau đầu, tiêu chảy, nôn hoặc buồn nôn, đau bụng, ban da, mề đay.

Sỏi thận đã được báo cáo ở những bệnh nhân lạm dụng chế phẩm có chứa Guaifenesin.

Chlorpheniramin maleat :

Tác dụng an thần rất khác nhau từ ngủ gà nhẹ đến ngủ sâu, khô miệng, chóng mặt và gây kích thích xảy ra khi điều trị ngắt quãng

Thường gặp : Ngủ gà, an thần, khô miệng

Hiếm gặp : Chóng mặt, buồn nôn.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

Thận trọng khi dùng :

Dextromethorphan HBr :

Phụ nữ có thai và cho con bú.

Guaifenesin :

Không sử dụng Guaifenesin trong các trường hợp ho kéo dài hay mạn tính như ở bệnh nhân hút thuốc, bị hen, viêm phế quản mạn tính, khí thũng phổi hoặc ho có quá nhiều đờm

Bệnh nhân cần được bù nước đầy đủ trong khi sử dụng thuốc. Không tự ý dùng thuốc quá 7 ngày mà không tham khảo ý kiến bác sĩ.

Guaifenesin được coi là không an toàn khi sử dụng cho bệnh nhân bị rối loạn chuyển hóa porphyrin do thuốc gây rối loạn chuyển hóa porphyrin trên động vật thí nghiệm

Sử dụng ở trẻ em : Guaifenesin đã từng được dùng cho trẻ em. Tuy nhiên đã có nhiều báo cáo ngộ độc và quá liều, có thể gây tử vong do dùng các chế phẩm thuốc ho và chữa cảm lạnh không kê đơn có chứa chất long đờm (bao gồm Guaifenesin) cho trẻ nhỏ. Vì vậy khuyến cáo không tự ý sử dụng Guaifenesin cho trẻ dưới 4 tuổi trừ khi có chỉ định của bác sĩ.

Một số kết hợp không hợp lý như kết hợp Guaifenesin với thuốc ho, vì phản xạ ho giúp tống đờm ra ngoài nhất là ở người cao tuổi

Chlorpheniramin maleat :

Chlorpheniramin có thể làm tăng nguy cơ bí tiểu tiện do tác dụng phụ chống tiết acetylcholin của thuốc, đặc biệt ở người bị phì đại tuyến tiền liệt, tắc đường niệu, tắc môn vị tá tràng, và làm trầm trọng thêm ở người bệnh nhược cơ.

Tác dụng an thần của chlorpheniramin tăng lên khi uống rượu và khi dùng đồng thời với các thuốc an thần khác.

Có nguy cơ biến chứng đường hô hấp, suy giảm hô hấp và ngừng thở, điều đó có thể gây rắc rối ở người bị bệnh tắc nghẽn phổi hay ở trẻ em nhỏ. Phải thận trọng khi có bệnh phổi mạn tính, thở ngắn hoặc khó thở.

Có nguy cơ bị sâu răng ở những người bệnh điều trị thời gian dài, do tác dụng chống tiết acetylcholin, gây khô miệng.

Tương tác thuốc :

Dextromethorphan HBr:

Tránh dùng đồng thời với các thuốc ức chế MAO

Dùng đồng thời với các thuốc ức chế thần kinh trung ương có thể tăng cường tác dụng ức chế thần kinh trung ương của những thuốc này hoặc của dextromethorphan

Không dùng chung thuốc với rượu, thuốc an thần.

Quinidin ức chế cytochrom P₄₅₀ 2D6 có thể làm giảm chuyển hóa của dextromethorphan ở gan, làm tăng nồng độ chất này trong huyết thanh và tăng các tác dụng không mong muốn của dextromethorphan.

Guaifenesin :

Không sử dụng chế phẩm phối hợp Guaifenesin với dextromethorphan cho bệnh nhân đang dùng thuốc ức chế MAO.

Cần thận trọng khi sử dụng chế phẩm phối hợp Guaifenesin và Phenylpropanolamin cho bệnh nhân tăng huyết áp, có bệnh tim, đái tháo đường hay bệnh mạch ngoại vi. Phì đại tuyến tiền liệt và Glôcôm

Chlorpheniramin maleat:

Các thuốc ức chế monamin oxydase làm kéo dài và tăng tác dụng chống tiết acetylcholin của thuốc kháng histamin.

Ethanol hoặc các thuốc an thần gây ngủ có thể làm tăng tác dụng ức chế hệ TKTW của chlorpheniramin.

Chlorpheniramin ức chế chuyển hóa phenytoin và có thể dẫn đến ngộ độc phenytoin.

Tác động của thuốc khi lái xe và vận hành máy móc :

Không dùng cho người đang lái xe và vận hành máy móc.

Phụ nữ có thai và cho con bú :

Thời kỳ mang thai :

Tính an toàn thuốc chưa được xác lập. Liều cao trong thời gian dài có thể dẫn đến lệ thuộc Dextromethorphan và những rối loạn liên quan đến hơi thở của trẻ. Phụ nữ có thai không dùng thuốc này nếu không có sự quyết định của thầy thuốc và nếu không thật cần thiết.

Guaifenesin : chưa có nghiên cứu có kiểm soát đủ trên phụ nữ mang thai. Do chưa thể loại trừ hoàn toàn nguy cơ của thuốc đối với thai, cần thận trọng và chỉ nên sử dụng Guaifenesin cho phụ nữ có thai khi xét thấy lợi ích cho mẹ vượt trội nguy cơ đối với thai

Chlorpheniramin maleat : Chỉ sử dụng thuốc khi thật sự cần thiết. Dùng thuốc trong 3 tháng cuối thai kỳ có thể dẫn đến những phản ứng nghiêm trọng (như con động kinh) ở trẻ sơ sinh

Thời kỳ cho con bú :

Guaifenesin : chưa có dữ liệu về việc sử dụng Guaifenesin ở phụ nữ cho con bú. Cần thận trọng khi dùng Guaifenesin cho đối tượng bệnh nhân này.

Chlorpheniramin maleat : Chlorpheniramin có thể được tiết qua sữa mẹ và ức chế tiết sữa. Vì các thuốc kháng histamin có thể gây phản ứng nghiêm trọng với trẻ bú mẹ, nên cần cân nhắc hoặc không cho con bú hoặc không dùng thuốc, tùy thuộc mức độ cần thiết của thuốc đối với người mẹ.

Sử dụng quá liều :

Dextromethorphan HBr :

Triệu chứng : Buồn nôn, nôn, buồn ngủ, nhìn mờ, rung giật nhãn cầu, bí tiểu tiện, trạng thái mê, ảo giác, mất điều hòa, suy hô hấp, co giật

Điều trị : Hỗ trợ, dùng naloxon 2 mg tiêm tĩnh mạch, cho dùng nhắc lại nếu cần tới tổng liều 10 mg.

Chlorpheniramin maleat :

Liều gây chết Chlorpheniramin khoảng 25 – 50 mg/kg thể trọng. Những triệu chứng và dấu hiệu của quá liều bao gồm an thần, kích thích nghịch thường, lệ thần kinh trung ương, loạn tâm thần, cơn động kinh, ngừng thở, co giật, tác dụng chống tiết acetylcholin, phản ứng loạn trương lực và truy tìm mạch, loạn nhịp.

Điều trị triệu chứng và hỗ trợ chức năng sống, cần chú ý đặc biệt đến chức năng gan, thận, hô hấp, tim, cân bằng nước và chất điện giải.

Rửa dạ dày hoặc gây nôn bằng siro ipecacuanha. Sau đó cho dùng than hoạt và thuốc tẩy để hạn chế hấp thu

Khi gặp hạ huyết áp và loạn nhịp, cần được điều trị tích cực. Có thể điều trị co giật bằng tiêm tĩnh mạch diazepam hoặc phenytoin. Có thể phải truyền máu cho những ca nặng

Bảo quản : Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Thuốc sản xuất theo TCCS

Hạn dùng : 36 tháng kể từ ngày sản xuất

Thuốc này chỉ dùng theo đơn của thầy thuốc

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHƯƠNG ĐÔNG

Lô 7, Đường 2, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. HCM.

ĐT: (08) 37540724, (08) 37540725; FAX: (08) 37505807.

CTY CỔ PHẦN DP PHƯƠNG ĐÔNG

B. Tổng Giám Đốc



PGS.TS. TRƯƠNG VĂN TUẤN